

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/HNGĐ- ST

Ngày: 26/7/2023

“V/v: Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông **Trần Văn Điền**

**Các Hội thẩm nhân dân:**

+ Bà **Đỗ Thị Thu Hương**

+ Bà: **Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.**

**Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Ngọc Phú - Là thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà **Cao Thị Bích Hợp** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 353/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023 về “*Xin ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2023/QĐST-HNGĐ ngày 4/7/2023 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: 75 T, phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Bị đơn: Trần Minh H, sinh năm: 1967

Địa chỉ: Hẻm 27C/32 (số cũ hẻm 27C) N, phường 11, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng .

(

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 5 năm 2023 nộp tại Tòa án thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:

**Về quan hệ hôn nhân:** Bà H kết hôn với ông Trần Minh H vào năm 2020, tại Ủy ban nhân dân phường 11, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại hẻm 27C N, phường 11, thành phố Đà Lạt. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do công ăn việc làm, tính tình thì không dung hòa, ông H hay nhậu, say xin vợ chồng không có hạnh phúc, mặc dù hai vợ chồng cũng đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn

ông Hải.

*Về con chung:* Không có.

*Về tài sản chung:* Không có

*Về nợ chung:* không có.

*Theo bản tự khai ngày 08 tháng 6 năm 2023 của ông Trần Minh H trình bày:*  
Ông Trần Minh H kết hôn với bà Phạm Thị H vào năm 2020, tại Ủy ban nhân dân phường 11, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự nguyện có tổ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại 27C N Hồ, phường 11, thành phố thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi vã vì bà H thường xuyên bỏ nhà đi. Hiện nay vợ chồng đã ly thân, không còn quan tâm nhau nữa. Nguyên vọng được ly hôn

*Về con chung:* Không có.

*Về tài sản chung:* Không có, *nợ chung:* không có.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông Hải có đơn xin vắng mặt. Nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy; Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên Tòa hôm nay:* Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn ông H

*Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

Vụ án thụ lý đúng trình tự theo luật quy định. Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán từ khi nhận đơn đến lúc đưa vụ án ra xét xử, xác định tư cách tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự cũng như chứng cứ của vụ án, việc hòa giải đều đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định. Đồng thời đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Con chung: không có nên không đề cập.

Tài sản chung không có nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Bà Hằng yêu cầu ly hôn ông H, nên xác định quan hệ tranh chấp “Xin ly hôn” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó: Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà H và ông H có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, hôn nhân tự nguyện, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc không được bao thì

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do công ăn việc làm, tính tình thì không dung hòa, ông Hải hay nhậu, say xỉn .

Tại các phiên hòa giải cũng như lời khai tại phiên Tòa hôm nay bà H không đồng ý đoàn tụ gia đình và xác định tình cảm không còn, hôn nhân không thể tiếp tục. Hơn nữa ông H có lời trình bày là mong muốn được ly hôn vì vợ chồng không còn hạnh phúc, bà H thường xuyên bỏ nhà đi và ông H có đơn xin xét xử vắng mặt qua đó thể hiện tình cảm không còn việc mâu thuẫn của vợ chồng thực tế là có xảy ra.

Qua xác minh về việc mâu thuẫn của vợ chồng tại địa phương, thì việc mâu thuẫn của vợ chồng không ai biết vì không có đơn thư nên không có cơ sở cung cấp cho tòa.

Do đó; áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[4] *Về con chung*: không có

[5] *Về tài sản chung*: Không có.

[6] *Về nợ chung*: Không có.

[7] *Về án phí*: bà Hằng chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 28, 35, 36, 39, 147 và Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 51, 56, 57, của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và xử dụng án phí và lệ phí tòa án.

*Tuyên xử:*

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị H . Cho bà Phạm Thị H và bà ông Trần Minh H được ly hôn.

3. *Về án phí*: Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (được trừ toàn bộ vào số tiền 300.000đồng bà H đã tạm nộp theo biên lai thu số: 0011785 ngày 23/05/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng).

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

*Quyền kháng cáo:*

Bà Phạm Thị H có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử

phúc thẩm. Riêng bị đơn là ông Trần Minh H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ( niêm yết) bản án.

*TAND tỉnh Lâm Đồng;*  
*- VKSND TP Đà Lạt;*  
*- Chi cục THA Đà Lạt;*  
*- UBND,phường 11. Đà Lạt .*  
*- Dương sự;*  
*- Lưu;*

**Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Văn Điền**